

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 955/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 31 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 12
dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển
Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc
Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy
định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi
Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính
hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện
bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày
06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết
thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng
dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND
tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công
tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất
trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Khung chính sách dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi
phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối
Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai);*

*Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh
Lai Châu ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi
thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh
Lai Châu V/v Ban hành Quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận*

quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Căn cứ Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về Ban hành đơn giá bồi thường về tài sản, cây trồng, vật nuôi trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện Tam Đường và thành phố Lai Châu thuộc dự án kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Chính phủ Úc tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND thành phố Lai Châu V/v Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu);

Căn cứ Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện 04 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 458/TTr-TNMT ngày 29 / 7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 12 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu), cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ, tái định cư chủ đầu tư phải chi trả bổ sung là: 88.499.523 đồng.

(Bằng chữ: Tám mươi tám triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn năm trăm hai mươi ba đồng).

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	88.499.523 đồng
+ Về tài sản vật kiến trúc:	88.499.523 đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.
- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Chủ tịch UBND các xã, phường: San Thành, Đông Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

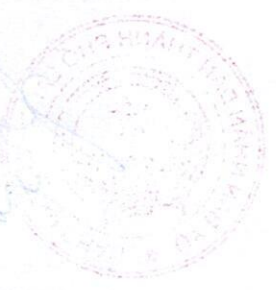
- Như Điều 2;
- Ban Quản lý dự án 2 – Bộ GTVT;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Xiêng

124



PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ BỔ SUNG

Dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc

(Tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài- Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu).

(Kèm theo Quyết định số: 955 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
A	Tổng cộng				88,499,523
1	Chi trả cho chủ sở hữu				88,499,523
a	Về tài sản vật kiến trúc				88,499,523
B	Chi tiết cho các hộ dân				88,499,523
1	Hộ bà Nguyễn Thị Bình				
	Địa chỉ: Bàn Căng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (bằng a)				15,246,774
a	Về tài sản vật kiến trúc: Tài sản nằm trên diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường về đất (Đất đã bồi thường GPMB tại dự án: Xây dựng tuyến đường San Thàng - Đông Pao đoạn Km00+420 - Km 04+ 500). Tài sản được bà Nguyễn Thị Bình tạo lập năm 2015, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				15,246,774
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (5,0*3,9)	m2	19.5	334,400	6,520,800
2	Công sắt (2,3*2,0)	m2	4.6	825,000	3,795,000
3	Khung sắt lưới B40(2,7*3,1) +(1,0*2,3)	m2	10.7	123,200	1,314,544
4	Nền BT đá rậm dày 10cm (5,0*3,9)	m2	19.5	83,600	1,630,200
5	Tôn quây (3,1*3,2)*2	m2	19.8	57,000	1,130,880
6	Nhựa quây (3,1*5,0)	m2	15.5	39,700	615,350
7	Máng tôn	m2	5.0	48,000	240,000
2	Hộ ông Tấn A Pao				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (bằng a)				27,781,143
a	Về tài sản vật kiến trúc: Tài sản vật kiến trúc không bị thu hồi, không bị tháo dỡ (Cos đường, công trình của Nhà nước sau khi xây dựng cao hơn cos nhà ở, công trình của ông Tấn A Pao là 1,4 m, cách chỉ giới xây dựng trung bình là 3,75 m) áp dụng theo ý 2, mục a, khoản 8, Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020, được sửa đổi bổ sung tại Quyết định 05/2023/QĐ-UBND ngày 21/3/2023. Tài sản do ông Tấn A Pao tạo lập năm 2013, không bị lập biên bản xử lý vi phạm về xây dựng, tài sản tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất hàng năm, tài sản sử dụng đúng mục đích, sử dụng ổn định không tranh chấp				27,781,143
1	Nhà xây gạch bi T12cm mái lợp pro, nền lán VXM không hiên, không trần, cao 3,4m (4,6*10). Tính bằng nhà xây gạch ép T12cm không hiên mái lợp pro, nền lán VXM, trần nhựa trừ đơn giá trần nhựa 120.340 đồng.	m2	46.0	423,348	19,474,008
2	Bán mái xây gạch bi T12cm mái lợp tôn, nền lán VXM cao 2,6m (2,85*4,6)	m2	13.1	138,568	1,816,631

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
3	Bê xây gạch bi T12cm không nắp BTCT (1,9*1,45*1,1)	m3	3.0	189,420	574,037
4	Bó bờ xây hoàn chỉnh	m	3.0	14,520	43,560
5	Bán mái xây gạch bi T12cm mái lợp ngói pro,nền láng VXM cao 2,5m (1,7*4,6)	m2	7.8	190,080	1,486,426
6	Xí xồm	Cái	1.0	88,500	88,500
7	Bình nóng lạnh	Cái	1.0	43,560	43,560
8	Téc nước	Cái	1.0	150,000	150,000
9	Ống nước PPR Ø 20	m	25.0	8,220	205,500
10	Bê phốt xây gạch bi T12cm (1,5*1,5*2)	m3	4.5	268,345	1,207,553
11	Bạt dứa (5,0*3,0)	m2	15.0	4,950	74,250
12	Bán mái khung sắt lợp tôn (3,5*5,0)	m2	17.5	100,320	1,755,600
13	Nền láng VXM dày 3cm (4,2*2,9)	m2	12.2	11,880	144,698
14	Tường xây gạch bi T12cm (7,8*1,1+2,0*0,9+2,0*0,9)	m2	12.2	38,280	466,250
15	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (3,6*1,9)	m2	6.8	25,080	171,547
16	Tấm đan BTCT (0,9*2,1*0,1)	m3	0.2	418,110	79,023
3	Hộ Nguyễn Văn Minh				
	Địa chỉ:Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (bằng a)				17,444,699
a	<i>Về tài sản vật kiến trúc:</i> Tài sản vật kiến trúc không bị thu hồi, không bị tháo dỡ (Cos đường, công trình của Nhà nước sau khi xây dựng cao hơn cos nhà ở, công trình của ông Nguyễn Văn Minh là 1,2 m, cách chỉ giới xây dựng trung bình là 4,55m) áp dụng theo ý 2, mục a, khoản 8, Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020, được sửa đổi bổ sung tại Quyết định 05/2023/QĐ - UBND ngày 21/3/2023. Tài sản vật kiến trúc do bà Nguyễn Thị Huyền tạo lập năm 2014, đến năm 2018 chuyển nhượng tài sản và đất cho ông Nguyễn Văn Minh, khi tạo lập không bị lập biên bản xử lý vi phạm về xây dựng, tài sản tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất, sử dụng ổn định không tranh chấp, tài sản tạo lập trên đất nông nghiệp				17,444,699
1	Nhà xây gạch bi T12cm mái lợp pro, nền láng VXM không hiên, không trần, cao 3,3m (5,0*8,1). Tính bằng nhà xây gạch ép T12cm không hiên mái lợp pro,nền láng VXM, trần nhựa trừ đơn giá trần nhựa 120.340 đồng.	m2	40.5	423,348	17,145,594
2	Bóc tách bàn bếp				
	Tường xây gạch bi T12cm (0,6*0,8)	m2	0.5	38,280	18,374
	Tấm đan BTCT (1,7*0,6*0,1+0,6*0,6*0,1)	m3	0.1	418,110	41,811
	Trát vữa xi măng không đánh màu (0,6*0,8)*2	m2	1.0	8,250	7,920
	Trát vữa xi măng không đánh màu 1,7*0,6+0,6*0,6)*2	m2	2.8	8,250	23,100

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
3	Bạt dứa (6*5)	m2	30.0	4,950	148,500
4	Dán xốp tường tính bằng bạt dứa (6*2)	m2	12.0	4,950	59,400
4	Hộ Nguyễn Thị Luyến				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				17,445,795
a	<p><i>Về tài sản vật kiến trúc:</i> Tài sản vật kiến trúc không bị thu hồi, không bị tháo dỡ (Cos đường, công trình của Nhà nước sau khi xây dựng cao hơn cos nhà ở, công trình của bà Nguyễn Thị Luyến là 1,2 m, cách chỉ giới xây dựng trung bình là 5,11m) áp dụng theo ý 2, mục a, khoản 8, Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020, được sửa đổi bổ sung tại Quyết định 05/2023/QĐ-UBND ngày 21/3/2023. Tài sản vật kiến trúc do bà Nguyễn Thị Luyến tạo lập năm 2009, trên phần đất nông nghiệp, khi tạo lập không bị lập biên bản xử lý vi phạm về xây dựng, tài sản tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất, sử dụng ổn định không tranh chấp</p>				17,445,795
1	Nhà xây gạch bi T12cm mái lợp pro, nền láng VXM không hiên, không trần, cao 3,3m (5,0*8,1). Tính bằng nhà xây gạch ép T12cm không hiên mái lợp pro, nền láng VXM, trần nhựa trừ đơn giá trần nhựa 120.340 đồng.	m2	40.5	423,348	17,145,594
2	Bóc tách bàn bếp				
	Tường xây gạch bi T12cm (0,6*0,8)	m2	0.5	38,280	19,140
	Tấm đan BTCT (1,7*0,6*0,1+0,6*0,6*0,1)	m3	0.1	418,110	41,811
	Trát vữa xi măng không đánh màu (0,6*0,8)*2	m2	1.0	8,250	8,250
	Trát vữa xi măng không đánh màu 1,7*0,6+0,6*0,6)*2	m2	2.8	8,250	23,100
3	Bạt dứa (6*5)	m2	30.0	4,950	148,500
4	Dán xốp tường tính bằng bạt dứa (6*2)	m2	12.0	4,950	59,400
5	Hộ Võ Đức Cảnh				
	Địa chỉ: Bàn Căng Đẳng, xã San Thành, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (bằng a)				10,581,112
a	<p><i>Về tài sản vật kiến trúc:</i> Tài sản nằm trên diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường về đất (Đất đã bồi thường GPMB tại dự án: Xây dựng tuyến đường San Thành - Đông Pao đoạn Km00+420 - Km 04+ 500). Tài sản được Võ Đức Cảnh tạo lập năm 2009, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về kế hoạch sử dụng đất, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp. Tài sản được Võ Đức Cảnh tạo lập năm 2009, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tài sản tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.</p>				10,581,112
1	Cống cuốn bê tông D 500	m	6.0	187,330	1,123,980

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
2	Nền BT không cốt thép (tính bằng tấm đan BT không cốt thép) (6*4*0,13)	m ³	3.1	852,500	2,659,800
3	Ống kẽmφ 110 dày 3,2ly (2 ống)	m	12	163,111	1,957,332
4	Đào san lấp đất bằng máy ≤ 50m (220m ³ *1)	m ³	220	11,000	2,420,000
5	Vận chuyên đất bằng máy dưới 2Km (220m ³ *1)	m ³	220	11,000	2,420,000



